



# VẤN ĐỀ BỒI THƯỜNG, BỒI HOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG, TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Vũ Thế Quyết<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Hoạt động công chứng là một hoạt động đặc thù, trong quá trình thực hiện công việc của mình, Công chứng viên (CCV) có thể gây thiệt hại và vấn đề bồi thường được đặt ra. Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định khá rõ về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do CCV gây ra nhằm mục đích bảo đảm quyền và lợi ích của người yêu cầu công chứng, tổ chức, cá nhân khác bị xâm phạm bởi hành vi công chứng của CCV. Ngoài ra, các quy định này còn nhằm mục đích để CCV ý thức được trách nhiệm nghề nghiệp của mình, tránh tình trạng lạm quyền để công chứng sai, không đúng sự thật, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích cơ sở pháp lý giải quyết bồi thường thiệt hại (BTTH) và điều kiện để phát sinh trách nhiệm BTTH do CCV gây ra; chỉ ra những điểm bất hợp lý của cơ chế bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng theo Luật Công chứng (LCC) năm 2014, từ đó đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về bồi thường trong hoạt động công chứng hiện nay.

**Từ khóa:** Công chứng viên, bồi thường thiệt hại, hoạt động công chứng.

Nhận bài: 19/5/2022. Hoàn thành biên tập: 15/6/2022. Duyệt đăng: 28/6/2022.

**Abstract:** Notarization is a typical activity. Notaries, in their practice, may cause damage and compensation issue arises. The Notarization Law in 2014 and instructive documents provide detailed regulations on responsibility of compensation for damage caused by notaries to secure rights and interests of notarization requesters, other organization, individuals infringed by notarial activity of notaries. In addition, these regulations aim to help notaries aware of their responsibility, avoiding abuse of power to make false notarization, affecting legitimate rights and interests of organizations, individuals. In this article, the authors analyze legal ground to solve damage compensation and conditions for responsibilities arisen for compensation of damage caused by notaries, pointing out unreasonable points of damage compensation in notarial activity under the Notarization Law in 2014. From that, the author proposes recommendations for finalizing regulations for compensation in notarial activity recently.

**Keywords:** Notaries, compensation for damage, notarial activity.

Date of receipt: 19/5/2022. Date of revision: 15/6/2022. Date of Approval: 28/6/2022.

## 1. Một số quy định pháp luật về bồi thường, bồi hoàn liên quan hoạt động công chứng

Theo quy định tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh của LCC năm 2014 (Luật số 53/2014/QH13) thì LCC quy định về CCV, tổ chức hành nghề công chứng, việc hành nghề công chứng, thủ tục công chứng và quản lý nhà nước về công chứng. Đồng thời, trong phần lời nói đầu của Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BTP ngày 30/10/2012 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp) cũng ghi rõ: “*Công chứng là một nghề cao quý, bởi hoạt động công chứng đảm bảo tính an toàn pháp lý, ngăn ngừa tranh*

*chấp, giảm thiểu rủi ro cho các hợp đồng, giao dịch, qua đó bảo vệ quyền, lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.*”

Căn cứ những quy định nêu trên thì hoạt động công chứng là một hoạt động nghề nghiệp, công việc công chứng là một nghề. Đó là nghề công chứng.

Công chứng là một hoạt động đặc thù, nghề công chứng là một nghề có yêu cầu chuyên môn rất cao và nó cũng tiềm ẩn những rủi ro không ít. Trong quá trình hoạt động của mình, công chứng viên có thể gây thiệt hại dẫn đến

<sup>1</sup> Chủ tịch Hội Công chứng viên tỉnh Bình Phước, Trưởng Phòng Công chứng số 01, tỉnh Bình Phước.

việc phát sinh trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng. Thực tiễn hoạt động công chứng hiện tại cho thấy vấn đề nghiên cứu, phân tích các quy định của pháp luật về bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng để áp dụng đúng quy định và có sự thống nhất là yêu cầu hết sức cấp bách trong giai đoạn hiện nay cũng như về lâu dài.

Hiện nay, việc quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường và bồi hoàn trong hoạt động công chứng chủ yếu được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật: Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 584, 585, 587, 588, 589, 597, 598), LCC năm 2014 (khoản 5 Điều 33, Điều 37, 38, 71, 72)<sup>2</sup>, Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 (Điều 7, Điều 14)<sup>3</sup>, Luật Viên chức năm 2010 (Điều 55) và Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức (chương 3)<sup>4</sup>, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/07/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC)<sup>5</sup>.

Tuy nhiên, các quy định này chưa có sự thống nhất, còn tồn tại bất cập, cụ thể:

Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/07/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố: phải có thiệt hại xảy ra; phải có hành vi trái luật; phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái luật (thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi trái luật và ngược lại hành vi trái luật và nguyên nhân gây ra thiệt hại; phải có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người gây thiệt hại).

Theo quy định này thì để buộc người gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại thì phải chứng minh người gây thiệt hại có hành vi trái pháp luật, có thiệt hại xảy ra, mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái luật,

người gây ra thiệt hại phải có lỗi.

Trong khi đó theo Bộ luật Dân sự năm 2015 (tại khoản 1 Điều 584)<sup>6</sup> và Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (tại Điều 7) thì chỉ cần tồn tại thiệt hại xảy ra trong thực tế, có hành vi trái luật (không thuộc trường hợp không phải chịu trách nhiệm bồi thường), có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái luật và thiệt hại thực tế xảy ra thì đã làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà không cần phải xem xét yếu tố có lỗi hay không có lỗi của người gây thiệt hại.

Như vậy, các quy định nêu trên đã không có sự thống nhất với nhau.

Bên cạnh đó, theo quy định của LCC năm 2014 thì tổ chức hành nghề công chứng phải bồi thường thiệt hại cho người yêu cầu công chứng và cá nhân, tổ chức khác do lỗi mà CCV, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên của tổ chức mình gây ra trong quá trình công chứng. CCV, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên gây thiệt hại thì phải hoàn trả lại một khoản tiền cho tổ chức hành nghề công chứng đã chi trả khoản tiền bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật; trường hợp không hoàn trả thì tổ chức hành nghề công chứng có quyền yêu cầu tòa án giải quyết<sup>7</sup>.

Như vậy, trong trường hợp công chứng viên có lỗi trong việc công chứng thì nguyên tắc bồi thường như sau:

(i) Tổ chức hành nghề công chứng bồi thường cho người yêu cầu công chứng;

(ii) Công chứng viên hoàn trả số tiền mà tổ chức hành nghề công chứng đã bồi thường;

Với quy định này thì tổ chức hành nghề công chứng chỉ có thể phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng nếu có lỗi của CCV, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên của tổ chức mình gây ra trong quá trình công chứng. Trong

<sup>2</sup> Xem khoản 5 Điều 33, Điều 37, 38, 71, 72 Luật Công chứng năm 2014;

<sup>3</sup> Xem Điều 7, Điều 14 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;

<sup>4</sup> Xem Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/12/2012.

<sup>5</sup> Xem Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/07/2006.

<sup>6</sup> Xem khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015.

<sup>7</sup> Xem Điều 38, Luật Công chứng năm 2014.



LCC năm 2014, thì yếu tố lỗi lại được đề cập và quy định cụ thể.

Vấn đề bồi hoàn (hoàn trả) cho tổ chức hành nghề công chứng được quy định như nêu trên và vấn đề này cũng được quy định tại một số văn bản pháp luật cụ thể như sau:

Tại Điều 597, 598 Bộ luật Dân sự năm 2015<sup>8</sup>, cụ thể:

Theo Điều 597 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định về bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra: “Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao; nếu pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật”.

Theo Điều 598 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra: “Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

Và các quy định ở một số văn bản quy phạm pháp luật khác, cụ thể: Điểm c khoản 2 Điều 7 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017<sup>9</sup>; khoản 2 Điều 55 Luật Viên chức năm 2010<sup>10</sup>; Điều 25 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP<sup>11</sup>:

Ngoài những bất cập nêu trên thì còn có những bất cập khác như: (i) Khi nào thì CCV, nhân viên, người phiên dịch là cộng tác viên của Tổ chức hành nghề công chứng bị xem là có lỗi trong quá trình công chứng? (ii) Việc xác định khi nào thì CCV, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên của tổ chức hành nghề công chứng bị xem là có lỗi trong hoạt động công chứng? (iii) Và khi xảy ra trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng thì sẽ áp dụng quy định của luật nào?

Vấn đề này hiện nay chưa có hướng dẫn cụ

thể, từ đó dẫn đến cách hiểu và áp dụng quy định của pháp luật có sự khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như bản thân các CCV khi hành nghề. Các CCV khi hành nghề đều cho rằng nếu mình đã thực hiện đầy đủ các bước theo trình tự, thủ tục, quy trình công chứng quy định tại Điều 40, 41 LCC năm 2014<sup>12</sup> mà sau này xảy ra thiệt hại do giấy tờ bị làm giả, chủ thể giao kết hợp đồng sử dụng giấy tờ tùy thân giả... thì CCV không có lỗi do đó tổ chức hành nghề công chứng không phải bồi thường. Trong khi đa số các vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường trong hoạt động công chứng đều có liên quan đến hành vi giả mạo giấy tờ, tài liệu với thủ đoạn rất tinh vi của tội phạm (mà CCV lại không phải là giám định viên tư pháp về vấn đề này nên khó phát hiện hoặc không thể phát hiện giấy tờ giả mạo do thủ đoạn rất tinh vi). Tuy nhiên, các cơ quan tiến hành tố tụng lại có cách hiểu và áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết các vụ, việc liên quan đến bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng hoàn toàn không thống nhất với cách hiểu và áp dụng pháp luật trong quá trình hoạt động công chứng của các CCV, đồng thời giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng có cách hiểu và áp dụng pháp luật không thống nhất với nhau.

Và khi xảy ra trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng thì sẽ áp dụng quy định của luật nào? (Luật Viên chức năm 2010, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 hay áp dụng quy định của LCC năm 2014 và quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Bộ luật Dân sự năm 2015).

Vì hiện nay chúng ta có hai loại hình tổ chức hành nghề công chứng là Phòng Công chứng và Văn phòng công chứng. Trong đó, Phòng Công chứng là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp; Văn phòng Công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình công

<sup>8</sup> Xem Điều 597, 598 Bộ luật Dân sự 2015.

<sup>9</sup> Xem điểm c khoản 2 Điều 7, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

<sup>10</sup> Xem khoản 2 Điều 55 Luật Viên chức 2010.

<sup>11</sup> Xem Điều 25 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP.

<sup>12</sup> Xem Điều 40, 41 Luật Công chứng năm 2014.

ty hợp danh. Về CCV thì có CCV của các Phòng Công chứng (đây là viên chức); CCV hợp danh của Văn phòng Công chứng và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại văn phòng Công chứng. Về nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng thì có thể là viên chức (nếu được tuyển dụng và làm việc tại các phòng công chứng) hoặc là người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng. Vì thế, tùy theo mỗi loại hình tổ chức hành nghề công chứng, hình thức hành nghề của CCV, mỗi loại nhân viên lại có các quan điểm khác nhau về lựa chọn luật áp dụng trong quá trình giải quyết việc bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng. Có trường hợp nếu thời điểm thực hiện hành vi công chứng trước ngày 01/07/2020 (ngày luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 có hiệu lực) mà làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng do lỗi của CCV giữ chức vụ Trưởng phòng thì sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (vì đây là công chức). Nếu trường hợp, CCV làm việc tại Phòng Công chứng (nhưng không phải là Trưởng phòng) thực hiện hành vi công chứng mà làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng thì sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Viên chức năm 2010 và Nghị định số 27/2012/NĐ-CP (vì CCV này là viên chức). Nếu trường hợp CCV làm việc tại văn phòng công chứng thực hiện hành vi công chứng mà làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng thì sẽ áp dụng LCC năm 2014 và các quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Bộ luật Dân sự năm 2015).

Ngoài ra, hiện nay quy định về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của CCV cũng chưa được rõ ràng, cụ thể. Điều kiện bảo hiểm được quy định tại Điều 21, Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/08/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của LCC<sup>13</sup>, cụ thể:

(i) Đối với vấn đề bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: Việc xác định phạm vi bảo hiểm.

(ii) Điều kiện bảo hiểm theo Điều 21 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP:

Thiệt hại thuộc phạm vi bảo hiểm quy định tại Điều 20 của Nghị định số 29/2015/NĐ-CP.

Không thuộc các trường hợp sau đây:

*CCV thực hiện công chứng trong trường hợp mục đích và nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung bản dịch vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội; xúi giục, tạo điều kiện cho người tham gia hợp đồng, giao dịch thực hiện giao dịch giả tạo hoặc hành vi gian dối khác;*

*CCV công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi;*

*CCV cấu kết, thông đồng với người yêu cầu công chứng và những người có liên quan làm sai lệch nội dung của văn bản công chứng, hồ sơ công chứng;*

*Trường hợp khác theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức hành nghề công chứng hoặc tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV trong trường hợp được tổ chức hành nghề công chứng ủy quyền.*

Vấn đề nữa cũng cần được làm rõ là khi Hợp đồng bảo hiểm hết hạn mà phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với những hành vi công chứng thực hiện trong thời hạn bảo hiểm thì có được bảo hiểm hay không là những vấn đề đang đặt ra hiện nay.

## 2. Thực trạng

Từ những bất cập nêu trên dẫn đến việc áp dụng luật để giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng còn chưa thống nhất. Để chứng minh những bất cập vì áp dụng các quy định của pháp luật về bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng, chúng tôi xin nêu ra một số vụ việc cụ thể như sau:

<sup>13</sup> Xem Điều 21 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP;



*Vụ việc thứ nhất<sup>14</sup>:*

Cuối năm 2016, Hội đồng xét xử (TAND tỉnh Lâm Đồng) tuyên một văn phòng công chứng ở Lâm Đồng phải liên đới bồi thường 7,6 tỷ đồng.

*Vụ việc thứ hai<sup>15</sup>:*

Tháng 8/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố hợp đồng mua bán nhà ở đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lý Thị Như H là vô hiệu, buộc Văn phòng Công chứng Lý Thị Như H liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại trong vụ án.

Sau bản án sơ thẩm, Văn phòng công chứng Lý Thị Như H kháng cáo về phần dân sự liên quan đến mình.

Tòa cấp phúc thẩm nhận định trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh CCV của Văn phòng công chứng Lý Thị Như H biết việc bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo hoặc đã có sự bàn bạc, cố ý tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tiền của bị hại. Cấp sơ thẩm xác định bị cáo chịu trách nhiệm hình sự đối với 1,2 tỷ đồng chiếm đoạt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Hình sự thì bị cáo phải bồi thường cho bị hại; Văn phòng công chứng Lý Thị Như H không có nghĩa vụ liên đới bồi thường.

*Vụ việc thứ ba<sup>16</sup>:*

Theo bản án số 56 ngày 30/10/2012 của TAND huyện Cái Răng, thành phố Cần Thơ, một Văn phòng công chứng phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 300 triệu đồng do Công chứng hợp đồng không đúng chủ thể.

Tại phiên xử phúc thẩm sau đó, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng số tiền mà Tòa cấp sơ thẩm buộc Văn phòng công chứng bồi thường cho nguyên đơn là do những người khác chiếm đoạt và Tòa cấp sơ thẩm buộc Văn phòng công chứng bồi thường là không đúng. Tòa cấp phúc thẩm cũng đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua những vụ việc nêu trên cho thấy, các CCV khi thực hiện việc công chứng đã hiểu quy định của LCC khác với cách hiểu và áp dụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Bản thân các cơ quan tiến hành tố tụng cũng có những cách hiểu khác nhau, có các quan điểm áp dụng quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường trong hoạt động công chứng khác nhau.

**3. Giải pháp, kiến nghị**

Từ những thực trạng phân tích trên, vấn đề trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng được điều chỉnh rất phức tạp trong luật thực định Việt Nam. Để việc áp dụng các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng là một yêu cầu cấp bách hiện nay. Chúng tôi xin đề xuất, góp ý một số giải pháp để hoàn thiện các quy định của pháp luật về bồi thường và bồi hoàn trong hoạt động công chứng như sau:

**Thứ nhất**, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm ban hành các quy định hướng dẫn cụ thể về bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng theo hướng: quy định cụ thể, rõ ràng các yếu tố làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng; xác định mức bồi thường, bồi hoàn; trình tự thủ tục giải quyết việc bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng.

**Thứ hai**, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm sửa đổi Luật Viên chức đối với quy định về trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo hướng: quy định này không áp dụng đối với trường hợp viên chức là CCV Phòng công chứng. Trường hợp có phát sinh việc bồi thường, bồi hoàn của CCV hành nghề tại Phòng Công chứng thì được thực hiện theo quy định của LCC.

**Thứ ba**, sửa đổi LCC đối với các quy định cụ thể rõ ràng về chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng đúng theo tinh thần của Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó quy định rõ các căn cứ để xác định giá quyền nhận chuyển đổi, lộ trình chuyển đổi, trình tự, thủ tục, phương thức xác định giá quyền nhận chuyển đổi. Để tạo sự bình đẳng

<sup>14</sup> Nguồn: Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, thứ năm, ngày 14/5/2020.

<sup>15</sup> Nguồn: Báo Thanh niên, thứ ba ngày 14/04/2020.

<sup>16</sup> Nguồn: Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22/7/2018.

trong trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng. Đồng thời, sửa đổi LCC để quy định rõ vấn đề bồi thường khi Văn phòng Công chứng có nghĩa vụ bồi thường đã giải thể và quy định cụ thể trách nhiệm bồi thường của người phiên dịch khi họ không làm đúng nghĩa vụ luật giao.

**Thứ tư**, hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của CCV theo hướng: xác định rõ trình tự, thủ tục, nội dung, phạm vi, điều kiện bảo hiểm, mẫu hợp đồng bảo hiểm.

**Thứ năm**, Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam cần sớm chủ trì thành lập Quỹ bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của LCC để hỗ trợ bồi thường thiệt hại do lỗi của hội viên trong hoạt động công chứng.

**Thứ sáu**, các CCV phải tuân thủ nghiêm quy định về bồi dưỡng nghiệp vụ hằng năm, luôn tự cập nhật kiến thức phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp của mình để giảm thiểu rủi

ro trong quá trình hành nghề công chứng.

Ngoài ra, các CCV khi thực hiện việc giải quyết các yêu cầu công chứng cần phải chấp hành nghiêm các quy định tại Điều 40, 41; điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 17 LCC năm 2014. Việc công chứng hợp đồng (hoặc giao dịch dân sự khác) không phải là một thủ tục hành chính. Do đó, CCV phải nghiên cứu kỹ hồ sơ công chứng, các quy định pháp luật có liên quan để đánh giá chính xác tính hợp pháp của các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; kiểm tra năng lực hành vi của người yêu cầu công chứng; thông qua việc hỏi đáp, trao đổi để xác định đúng chủ thể giao kết giao dịch dân sự; nếu có sự nghi vấn hoặc mâu thuẫn giữa các giấy tờ, tài liệu hoặc có sự mâu thuẫn trong nội dung trả lời các câu hỏi của CCV thì CCV đề nghị làm rõ, nếu không làm rõ được thì theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, CCV tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định. Trường hợp không làm rõ được thì CCV có quyền từ chối. CCV phải hiểu rõ và phải thực hiện đúng quyền từ chối yêu cầu công chứng./.

## HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT CÔNG CHỨNG VỀ THỦ TỤC...

(Tiếp theo trang 67)

bản công chứng để lưu hồ sơ công chứng và phát hành cho mỗi bên chủ thể của hợp đồng, giao dịch một bản chính. Cách làm thứ hai, ngoài việc phát hành bản chính cho các chủ thể giống như cách làm thứ nhất thì còn phát hành thêm hai bản chính nữa (một bản phát hành cho cơ quan đăng ký và một bản phát hành cho cơ quan thuế). Cách làm thứ ba thì số lượng bản chính văn bản công chứng được phát hành ngoài một bản chính để lưu công chứng thì số bản chính còn lại sẽ phụ thuộc vào yêu cầu của người yêu cầu công chứng. Bên cạnh việc không thống nhất về số lượng văn bản công chứng được phát hành thì thủ tục phát hành văn bản công chứng cũng được thực hiện không thống nhất. Có tổ chức hành nghề công chứng có lưu lại văn bản chứng minh đã phát hành văn bản công chứng nhưng số đông các tổ chức hành nghề công chứng không có giấy tờ tài liệu để chứng minh đã

phát hành văn bản công chứng. Việc giao văn bản công chứng cũng được thực hiện tùy tiện, nếu các bên chủ thể có mặt đầy đủ tại thời điểm phát hành thì giao cho các bên chủ thể, nếu không có đủ thì giao hết cho một bên, và việc giao tất cả bản chính cho một bên là cách làm hiện nay thường được áp dụng (ngay cả khi các bên trong hợp đồng giao dịch có mặt đầy đủ tại thời điểm giao). Với cách làm không thống nhất và tùy tiện này đã dẫn tới thực tế đã có những việc người yêu cầu công chứng khiếu nại về việc không nhận được bản chính của văn bản công chứng.

Từ những tồn tại và bất cập trong hoạt động phát hành văn bản công chứng xuất phát từ nguyên nhân chính là pháp luật đã không quy định về thủ tục phát hành văn bản công chứng, tác giả kiến nghị cần bổ sung quy định về phát hành văn bản công chứng khi thực hiện việc sửa LCC năm 2014./.